



International
Labour
Organization

4

Thời giờ làm việc, Thời giờ nghỉ ngơi

Tài liệu dành cho Người
sử dụng Lao động

Hà Nội, tháng 12, 2013

1

Hợp đồng Lao động

2

Đối thoại tại nơi làm việc, Thương lượng tập thể, Thỏa ước lao động tập thể, Hội đồng Tiền lương Quốc gia, Tranh chấp lao động

3

Lương, thưởng và các chi phí khác

4

Thời giờ làm việc, Thời giờ nghỉ ngơi

5

Kỷ luật Lao động

6

An toàn vệ sinh Lao động

7

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

8

Công đoàn

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Địa chỉ: 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3574 2108. Fax: (84.4) 3577 1329

4

Thời giờ làm việc, Thời giờ nghỉ ngơi

Sổ tay dành cho Người sử dụng Lao động

Hà Nội, tháng 12, 2013

1. Thời giờ làm việc

Thời giờ làm việc được quy định tại Mục 1, Chương VII của Bộ Luật Lao động 2012 và được hướng dẫn tại Mục 1, Chương 2 của Nghị định 45/2013/Nghị định - Chính phủ.

1.1. Thời giờ làm việc bình thường

- Thời giờ làm việc của NLĐ bình thường không được quá 8h/ ngày và 48h/tuần. Nhà nước khuyến khích NSDLĐ thực hiện **làm việc 40h/tuần**.
- Đối với NLĐ làm những công việc nặng nhọc nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động Thương binh –Xã hội và Bộ Y tế ban hành thì **không được quá 6h/ngày** (trước đây là được rút ngắn từ 1h-2h do NSDLĐ quyết định).
- NSDLĐ có quyền được quy định làm việc theo giờ, ngày hoặc tuần nhưng không được quá 48h/tuần và **10h/1 ngày đối với NLĐ làm việc theo tuần**.

Thời gian làm việc bao gồm

- Nghỉ giải lao theo tính chất của công việc.
Nghỉ cần thiết trong quá trình lao động đã được tính trong định mức lao động; ngoài ra NLĐ nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút, nghỉ 30 phút đối với NLĐ nữ trong thời gian hành kinh và rút ngắn 1h đối với NLĐ trước 1 năm nghỉ hưu.

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 104*

*Nghị định 45/2013/
Nghị định -Chính phủ,
Điều 3*

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 114*

4 THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

- Thời giờ phải ngừng việc không do lỗi của NLĐ.
- Thời giờ học tập, hội họp do yêu cầu bắt buộc được NSDLĐ đồng ý.

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 105*

1.2. Giờ làm việc ban đêm

- Thời gian làm đêm được tính từ 22h đến 6h sáng ngày hôm sau (trước đây tùy vùng khí hậu mà giờ làm đêm được quy định từ 22h đến 6h hoặc từ 21h đến 5h).

1.3. Làm thêm giờ

Việc làm thêm giờ phải được sự đồng ý của NLĐ cũng như có văn bản thông báo cho cơ quan quản lý lao động cấp địa phương.

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 106 và 107;
Nghị định 45/2013/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 4*

h. Hạn mức số giờ làm thêm:

- Không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; nếu làm việc theo tuần thì số giờ làm việc và làm thêm không được quá 12h/ ngày; không quá 30h/tháng, không được quá 12h/ngày với NLĐ làm việc vào ngày lễ, tết và ngày nghỉ hằng tuần.
- Làm thêm từ trên 200h đến 300h trong một năm đối với công ty: sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước; các trường hợp cấp bách không hoãn được (trước đây làm thêm giờ chỉ được quy định không quá 4h/ngày và không quá 200h/năm).

i. Thời gian nghỉ sau làm thêm

- Sau mỗi đợt làm thêm tối đa 7 ngày liên tục trong tháng, NSDLĐ phải bố trí để NLĐ nghỉ bù số thời gian đã không được nghỉ (không bố trí được thì phải trả lương làm thêm giờ).

j. Các trường hợp NLĐ không có quyền từ chối làm thêm giờ:

- Thực hiện các công việc liên quan đến an ninh quốc gia.
- Công việc có ảnh hưởng đến tính mạng con người, tài sản của cơ quan tổ chức, cá nhân trong khắc phục hậu quả do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, thảm họa.

2. Thời giờ nghỉ ngơi

Thời giờ nghỉ ngơi được quy định tại Mục 2, Chương VII của Bộ Luật Lao động 2012 và được hướng dẫn tại tại Mục 2, Chương 2 của Nghị định 45/2013/Nghị định - Chính phủ.

2.1. Nghỉ trong giờ làm việc

- NLĐ làm việc liên tục 8h hoặc 6h được nghỉ giữa giờ ít nhất 30 phút, nếu làm việc ban đêm nghỉ ít nhất 45 phút tính vào thời giờ làm việc; NSDLĐ có thể quy định thêm các đợt nghỉ ngắn và ghi vào nội quy lao động.
- NLĐ làm việc từ 10h/ ngày được nghỉ thêm 30 phút tính vào giờ làm việc và thời gian này do NSDLĐ quyết định

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 108*

*Nghị định 45/2013/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 5*

2.2. Nghỉ chuyển ca

- NLĐ làm việc theo ca phải được nghỉ ít nhất 12 tiếng trước khi vào ca mới.

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 109*

2.3. Nghỉ theo tuần

- Mỗi tuần NLĐ phải được nghỉ ít nhất 24h liên tục hoặc được nghỉ 4 ngày/tháng. Việc sắp xếp ngày nghỉ vào chủ nhật hay rơi vào một ngày cố định khác trong tuần do NSDLĐ quyết định nhưng phải được ghi trong nội quy lao động.

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 110*

2.4. Nghỉ theo năm

a. NLĐ có thời gian làm việc đủ 12 tháng:

- Nghỉ 12 ngày đối với NLĐ làm việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ 14 ngày đối với NLĐ làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm độc hại hoặc những nơi có điều kiện sống khắc nghiệt.
- Nghỉ 16 ngày đối với NLĐ làm việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm độc hại hoặc những nơi có điều kiện sống đặc biệt khắc nghiệt.

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 111*

b. NLĐ có dưới 12 tháng làm việc:

- Thời gian nghỉ hằng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số thời gian làm việc.

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 114*

c. Về thời gian nghỉ

- NSDLĐ có quyền quy định lịch nghỉ hằng năm sau khi tham khảo ý kiến và thông báo

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 112*

trước cho NLĐ. Ngày nghỉ hằng năm được chia thành nhiều lần hoặc nghỉ gộp tối đa 3 năm một lần do 2 bên thỏa thuận.

d. Cách tính số ngày nghỉ hằng năm tăng thêm

- Cứ 5 năm làm việc cho một NSDLĐ thì số ngày nghỉ hằng năm được tăng thêm 1 ngày.
- Những thời gian sau đây vẫn được tính vào thời gian để tính ngày nghỉ
- Thời gian học nghề, tập nghề, thử việc theo cam kết trong hợp đồng.
- Thời gian nghỉ việc riêng có hưởng lương và không hưởng lương nếu được NSDLĐ đồng ý nhưng cộng dồn không quá 1 tháng.
- Thời gian nghỉ do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhưng cộng dồn không quá 6 tháng; ốm đau nhưng cộng dồn không quá 02 tháng; nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 6 tháng.
- Thời gian nghỉ để hoạt động công đoàn.
- Thời gian phải ngừng việc, nghỉ việc không do lỗi của NLĐ.
- Thời gian nghỉ vì bị tạm đình chỉ công việc.
- Thời gian bị tạm giữ, tạm giam nhưng được trở lại làm việc do kết luận không phạm tội.

*Nghị định 45/2013/
Nghị định - Chính phủ,
Điều 6*

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 157*

e. Tạm ứng tiền lương, tiền tàu xe ngày nghỉ hằng năm

- Khi nghỉ hằng năm NLD được tạm ứng trước một khoản tiền ít nhất bằng tiền lương của những ngày nghỉ. Tiền tàu xe và tiền lương những ngày đi đường do hai bên thoả thuận .

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 113*

f. Thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ

- NLD do thôi việc, bị mất việc làm hoặc vì các lý do khác mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được thanh toán bằng tiền những ngày chưa nghỉ

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 114*

3. Nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương

Thời gian nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương được quy định tại Mục 3, Chương VII của Bộ Luật Lao động 2012.

3.1. Nghỉ lễ tết

- Hằng năm NLD được nghỉ tết Dương lịch 1 ngày; tết Âm lịch 05 ngày (NSDLĐ lựa chọn 1 ngày cuối năm và 4 ngày đầu năm âm lịch hoặc 02 ngày cuối năm và 03 ngày đầu năm âm lịch và thông báo cho NLD trước 30 ngày. Quy định cũ: nghỉ 4 ngày); ngày Chiến thắng 30/4, ngày Quốc tế lao động 1/5, ngày Quốc khánh 2/9, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 10/ 3 âm lịch.

*Bộ Luật Lao động 2012,
Điều 115*

- NLD là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam còn được ***nghỉ thêm 1 ngày Tết cổ truyền dân tộc và 1 ngày Quốc khánh của nước họ***. Nếu những ngày nghỉ trùng vào ngày nghỉ hằng tuần, thì NLD được nghỉ bù vào ngày kế tiếp.

3.2. Nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương

- NLD được nghỉ và hưởng nguyên lương trong những ngày sau: kết hôn nghỉ 3 ngày; con kết hôn nghỉ 1 ngày; bố đẻ, mẹ đẻ, bố vợ, mẹ vợ hoặc bố chồng, mẹ chồng chết, vợ chết hoặc chồng chết, con chết: nghỉ 3 ngày.
- ***NLD được nghỉ không hưởng lương 01 ngày và phải thông báo với NSDLĐ khi ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, em ruột chết; bố hoặc mẹ kết hôn; anh, chị, em ruột kết hôn.***
- NLD có thể thoả thuận với NSDLĐ để nghỉ không hưởng lương.

4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người làm công việc có tính chất đặc biệt

Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người làm công việc có tính chất đặc biệt được quy định tại Mục 4, Chương VII của Bộ Luật Lao động 2012.

4.1. Đối với NLĐ làm công việc có tính chất đặc biệt

- Các bộ, ngành quản lý quy định cụ thể thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi sau khi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và phải tuân thủ quy định của Bộ luật lao động.



